VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00941-1/2026/PKQ (26.270)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Thời gian lấy mẫu: 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm: 11/03/2026 – 23/03/2026
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu ra của HT XLNT - Nhà máy XLNT TT KCN Phú Mỹ II
Toạ độ: X: 1167070 Y: 421540

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Độ màu(b)	Pt/Co	30	SMEWW 2120C:2017
2	pH(b)	-	7,4	TCVN 6492:2011
3	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD_5)(b)	mg/L	10	SMEWW 5210B:2017
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)(b)	mg/L	24	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(b)	mg/L	30	SMEWW 2540D:2017
6	Asen (As)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	SMEWW 3125B:2017
7	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	SMEWW 3125B:2017
8	Chì (Pb)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0001)	SMEWW 3125B:2017
9	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0001)	SMEWW 3125B:2017
10	Cr^{3+}(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 3125B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017
11	Cr^{6+}(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 3500Cr.B:2017
12	Đồng (Cu)(b)	mg/L	0,079	SMEWW 3125B:2017
13	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	0,073	SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
14	Niken (Ni)(b)	mg/L	0,006	SMEWW 3125B:2017
15	Mangan (Mn)(b)	mg/L	0,125	SMEWW 3125B:2017
16	Sắt (Fe)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 3111B:2017
17	CN^{-}(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 4500-CN^{-}.C&E:2017
18	Tổng Phenol(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,04)	TCVN 6216:1996
19	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
20	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	TCVN 6637 : 2000
21	Florua (F^{-})(b)	mg/L	0,8	SMEWW 4500-F^{-}.B&D:2017
22	Amoni (NH_4^+ tính theo N)(b)	mg/L	0,101	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
23	Tổng Nitơ(b)	mg/L	14,3	TCVN 6624-2:2000
24	Tổng Photpho(b)	mg/L	0,081	SMEWW 4500-P.B&E:2017
25	Clo dư(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 4500-Cl^{-}.G:2017
26	Coliform(b)	MPN/100mL	11	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 09h30' ngày 11/03/2026
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Tuấn Minh

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM — VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.